

BÀI THƠ “QUA SÔNG TANG CÀN” CỦA GIẢ ĐẢO VÀ BÀI THƠ HAI-CU’ CỦA BA-SÔ: NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ DỊ BIỆT

Hồ Thị Thúy Ngọc

Trường Đại học Hà Tĩnh

Email: ngoc.hothithuy@htu.edu.vn

Ngày nhận bài (received): 13/10/2025

Ngày nhận bài sửa (revised): 22/10/2025

Ngày nhận đăng (accepted): 01/11/2025

Tóm tắt

Bài viết tập trung so sánh những điểm tương đồng và dị biệt giữa bài thơ tuyệt cú Đường luật “Qua sông Tang Càn” của Giả Đảo (nhà thơ Trung Quốc) và bài thơ hai-cu của Ba-sô (nhà thơ Nhật Bản) về phương diện nội dung và nghệ thuật như: đề tài, chủ đề, mạch cảm xúc, thể loại, cấu tứ, giọng điệu, ngôn ngữ nhằm làm nổi bật sự gặp gỡ về tư tưởng và khác biệt về thi pháp giữa hai thi phẩm. Từ đó thấy được vẻ đẹp đa dạng, sự sáng tạo độc đáo của mỗi tác giả, tác phẩm thuộc hai nền văn học khác nhau khi cùng khai thác đề tài tình quê từ góc nhìn của người xa xứ.

Từ khóa: “Qua sông Tang Càn”, bài thơ hai-cu, Giả Đảo, Ba-sô, tương đồng và dị biệt.

The poem "Crossing the Tang Can river" by Jia Dao and the haiku poem by Basho: similarities and differences

Abstract

This article focuses on comparing the similarities and differences between Jia Dao's (a Chinese poet) Tang Dynasty-style quatrain "Crossing the Tang Can river" and Basho's (a Japanese poet) haiku in terms of content and artistry, including themes, subject matter, emotional flow, genre, structure, tone, and language. The aim is to highlight the intellectual convergence and stylistic differences between the two works. Consequently, this study reveals the diverse and unique creative beauty of each author and work from two different literary traditions, as they both explore the theme of homeland from the perspective of individuals far from home.

Keywords: "Crossing the Tang Can river", haiku poem, Jia Dao, Basho, similarities and differences.

1. Đặt vấn đề

Thơ tứ tuyệt Đường luật và hai-cu (có nhiều cách phiên âm khác như haiku, haiku...) là những thể thơ ngắn gọn, cô đúc, hội tụ tinh túy vẻ đẹp thơ cổ điển phương Đông. Nếu như tứ tuyệt gồm bốn câu ngắn và tuân theo các quy tắc gieo vần, niêm luật chặt chẽ được mệnh danh “hạt minh châu của thơ ca Trung Hoa” thì hai-cu "thể thơ nhỏ gọn nhất thế giới" gồm

17 âm tiết được mệnh danh “viên ngọc quý giá” trong kho tàng văn học Nhật Bản. Trung Quốc và Nhật Bản hai đất nước xa cách về địa lí, khác biệt về văn hoá nhưng có sự tương ngộ tâm hồn thi ca đến kì lạ. Đó là trường hợp bài thơ “Độ Tang Càn” (“Qua sông Tang Càn”) của Giả Đảo và bài thơ hai-cư của Ba-sô viết về đề tài quê hương và nỗi lòng người xa xứ. Trong giới hạn tài liệu đã tìm hiểu, theo chủ quan chúng tôi nhận thấy có khá nhiều bài viết nghiên cứu về hai thi phẩm này nhưng thường chỉ đề cập đến giá trị nội dung và nghệ thuật của mỗi bài thơ chứ chưa đi sâu vào so sánh, đối chiếu những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng, có chăng chỉ nêu lên vấn đề có tính chất gợi mở để người đọc suy ngẫm. Song đây cũng là những gợi ý quý báu thôi thúc chúng tôi khám phá, tìm hiểu bài thơ “Qua sông Tang Càn” của Giả Đảo và bài thơ hai-cư của Ba-sô từ góc nhìn so sánh.

2. Nội dung

So sánh, đối chiếu hai tác phẩm văn học (thường có chung đề tài, cảm hứng, phong cách nghệ thuật...) là cách tiếp cận nhằm phát hiện những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng. Từ đó phân tích, đánh giá giá trị độc đáo của mỗi văn bản, nhận ra đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo, chỉ ra những điểm chung trong quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương... Mục đích so sánh không phải để hướng tới xem tác phẩm nào có giá trị hơn tác phẩm nào mà để nhận ra những khác biệt, sự đa dạng trong cách nhìn và cảm thụ về đời sống của mỗi nhà văn, giúp người đọc có cái nhìn sâu sắc, đa chiều hơn về đẹp muôn sắc màu của văn chương. Quá trình so sánh có thể diễn ra ở các tác phẩm của cùng một tác giả, nhưng cũng có thể diễn ra ở những tác phẩm của các tác giả cùng hoặc không cùng một thời đại, giữa các tác phẩm của những trào lưu, trường phái khác nhau của một nền văn học, hoặc giữa các văn học trên thế giới. Tiêu chí so sánh thường dựa trên các phương diện nội dung và nghệ thuật như: đề tài, chủ đề, thể loại, các biện pháp nghệ thuật, ngôn ngữ, giọng điệu, kết cấu...

Bài viết này dựa trên những tiêu chí so sánh cụ thể như: đề tài, chủ đề, mạch cảm xúc, thể loại, cấu tứ, ngôn từ, giọng điệu. Mục đích so sánh không phải để khẳng định tác phẩm nào hay hơn, mà để từ đó thấy được vẻ đẹp đa dạng, sáng tạo độc đáo của mỗi tác giả, tác phẩm thuộc hai nền văn học khác nhau khi cùng khai thác đề tài tình quê từ góc nhìn của người xa xứ.

2.1. Giới thiệu tác giả và tác phẩm

2.1.1. Nhà thơ Giả Đảo và thi phẩm “Độ Tang Càn” (“Qua sông Tang Càn”)

Giả Đảo (779-843) là nhà thơ Trung Quốc đời Đường. Cuộc đời ông gặp nhiều trắc trở trên con đường công danh, thường xuyên phải sống tha hương, lưu lạc. Điều này in đậm dấu ấn trong thơ ông là một giọng thơ trầm buồn, day dứt, nặng trĩu nỗi niềm thế sự và thân phận cá nhân. Ông nổi tiếng với giai thoại “thôi, xao” trở thành một điển tích văn chương về sự dụng công trong việc chọn chữ. Ông làm thơ khá nhiều nhưng do quá say sưa với việc gọt

giữa từng câu chữ, có khi tới mức cầu kì, bí hiểm vì thế khó đi vào lòng bạn đọc. Tuy nhiên, bên cạnh đó có một số bài rất giản dị song ý nghĩa nhân sinh rất sâu sắc. "Độ Tang Càn" là một thi phẩm tiêu biểu. Bài thơ ra đời gắn liền với cuộc đời lưu lạc, xa quê hương của chính nhà thơ. Giả Đảo sinh ra và lớn lên tại Hàm Dương, nhưng vì nhiều lý do (có thể do thi cử không thuận lợi, hoặc do hoàn cảnh sống), ông phải rời quê hương, phiêu bạt đến vùng đất Tinh Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc). Ông đã sống ở nơi đất khách này suốt mười năm ròng rã. Trong khoảng thời gian đó, lòng ông vẫn luôn canh cánh nỗi nhớ về quê nhà Hàm Dương. Tuy nhiên, khi ông rời đất khách về quê, đi qua sông Tang Càn ngoảnh nhìn lại Tinh Châu đã trở thành quê hương thứ hai của ông lúc nào không hay. Bài thơ ra đời trong khoảnh khắc Giả Đảo nhận ra sự chuyển biến tâm lý sâu sắc này.

Phiên âm:

"Khách xá Tinh Châu dĩ thập sương,
Quy tâm nhật dạ ức Hàm Dương.
Vô đoan cánh độ Tang Càn thủy,
Khước vọng Tinh Châu thị cố hương"

Dịch nghĩa:

Làm khách trọ ở Tinh Châu đã mười thu,
Lòng muốn về quê, đêm ngày nhớ đất Hàm Dương.
Bỗng đứng lại sang sông Tang Càn,
Ngoảnh nhìn Tinh Châu, lại thấy như là quê cũ

Dịch thơ:

Tinh Châu đất khách trải mười hè,
Hôm sớm Hàm Dương bụng nhớ quê.
Qua bến Tang Càn, vô tình nữa,
Tinh Châu ngoảnh lại đã thành quê.

(Tản Đà dịch, *Thơ Đường* tập 1, 1987)

2.1.2. Nhà thơ Ba-sô và bài thơ hai-cư

Ba-sô (1644 - 1694) là một trong những nhà thơ danh tiếng hàng đầu của Nhật Bản. Ông sinh ra ở U-ê-nô, xứ I-ga (nay là tỉnh Mi-ê). Khoảng năm 28 tuổi, ông chuyển đến Ê-đô (nay là Tô-ki-ô) lập nghiệp và theo đuổi sự nghiệp thi ca. Ba-sô, một thiền giả thi sĩ, là bậc thầy thơ hai-cư Nhật Bản. Đối với Ba-sô, cuộc sống là một hành trình lữ thứ không ngừng nghỉ và sự hòa hợp với thiên nhiên, với hoàn cảnh. Do đó, thơ hai-cư của ông thể hiện một tâm thế an nhiên, tự tại. Trên đường trở về quê cũ U-ê-nô sau nhiều năm xa cách, khoảnh khắc ông "ngoảnh lại" nhìn về phía Ê-đô, nơi mình đã sống và gắn bó lâu năm khiến cảm xúc dâng trào. Cảm xúc đó được ghi lại đầy xúc động trong bài thơ hai-cư (thơ hai-cư của Ba-sô không có tiêu đề):

Dịch thơ

“Đất khách mùi mùa sương

Về thăm quê ngoảnh lại

Ê-đô là cố hương”

(Đoàn Lê Giang dịch, *Ngữ văn 10 tập 1, 2016*)

2.2. Những điểm tương đồng và dị biệt giữa hai thi phẩm

2.2.1. Những điểm tương đồng giữa hai thi phẩm về nội dung

Dù nhà thơ Giả Đảo và Ba-sô ở hai đất nước có hai nền văn hoá khác nhau song giữa hai bài thơ lại có một “môi lương duyên” đặc biệt. Bài thơ "Qua sông Tang Càn" của Giả Đảo và bài thơ hai-cư của Ba-sô đều viết về đề tài tình quê, xoay quanh chủ đề nỗi nhớ quê hương từ góc nhìn của người tha hương, từ đó bày tỏ thâm kín tình yêu tha thiết, mặn nồng đối với quê hương. Điểm chung về đề tài, chủ đề này cho thấy sự quan tâm của các nhà thơ phương Đông nói chung cũng như Giả Đảo và Ba-sô nói riêng đối với cội nguồn, bản ngã và những cảm xúc sâu kín của con người khi phải đối mặt với hoàn cảnh sống xa quê. Có lẽ vậy nên tình quê đã trở thành suối nguồn cảm xúc cho biết bao thi sĩ bung toả, thăng hoa để khẳng định tên tuổi trên thi đàn văn học dân tộc và thế giới.

Từ những trải nghiệm trong cuộc đời (đã nêu ở mục 2.1.1 và 2.1.2), hai nhà thơ đã đưa trang đời đi vào trang thơ một cách chân thực, sinh động, chứa đựng những nội dung và ý nghĩa sâu xa gợi bao cảm xúc và suy tưởng cho người đọc. Chủ thể trữ tình trong thơ Giả Đảo và Ba-sô đều xa quê “mùi mùa sương”/ “mùi thu”/ 10 năm (con số ước lệ, tượng trưng chỉ thời gian xa quê rất dài), sống ở hai vùng đất khác nhau (đất khách và cố hương), ở hai khoảng thời gian vơi vợi (xưa - nay). Tuy thời gian sống nơi quê người khá dài nhưng Giả Đảo vẫn cảm thấy Tinh Châu chỉ là "đất khách". Ba-sô cùng chung tâm trạng ấy khi sống mười năm ở “đất khách” Ê-đô. Chỉ với một số từ ngữ giàu tính ẩn dụ, tượng trưng “mùi mùa sương”/ “mùi thu” gợi lên bao cảm xúc cô đơn, buồn tủi, nhớ mong dồn nén nặng trĩu trong lòng khách tha hương. Bởi lẽ trong tâm thức người phương Đông rất sợ sự lưu lạc nơi đất khách quê người. Chính vì thế, khi xa quê nỗi buồn ly hương luôn đau đáu trong lòng, dồn nén biết bao cung bậc tâm trạng. Và có lẽ sẽ mãi như vậy nếu không có thời khắc "qua sông Tang Càn" của Giả Đảo hay "trở về quê" của Ba-sô. Thời khắc đó như chiếc bản lề khép mở hai thế giới tâm trạng. Qua sông Tang Càn rồi "ngoảnh lại nhìn", thi sĩ Giả Đảo bừng sáng nhận thức “Tinh Châu đã thành quê”. Còn Ba-sô chợt đón ngộ "Ê-đô là cố hương". Điều đó cho thấy sự chuyển biến tâm lí đầy tinh tế, bất ngờ trong tâm hồn hai chủ thể trữ tình: nơi họ từng coi là "đất khách" (nơi xa lạ) thế mà khi rời khỏi “ngoảnh lại” lòng bỗng bàng hoàng, lưu luyến không nỡ dứt, đất khách đã trở thành quê hương tự bao giờ. Nhưng phải khẳng định chắc chắn rằng nếu không có thời gian dài gắn bó với "đất khách" thì không thể có sự chuyển hoá tâm hồn kì diệu như vậy. Mười năm dồn nén bao nỗi nhớ niềm thương hướng về

cổ hương, song mười năm cũng là quãng thời gian dài đủ để lưu luyến, đủ để yêu thương mảnh đất và con người nơi đây. Những gì quanh ta rất bình thường, giản dị bởi thế tâm lí con người thường không thỏa mãn với cái mình đang có. Thế nhưng, khi khi xa rời tất cả sẽ trở nên gần gũi, yêu thương đến vô cùng. Điều này cũng thể hiện quy luật tình cảm tự nhiên của con người: “Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi đất bỗng hoá tâm hồn” (Chế Lan Viên). Hai bài thơ đã giúp người đọc thay đổi nhãn quan về quê hương theo quan niệm truyền thống, quê hương không còn chỉ giới hạn ở mảnh đất nơi ta sinh ra và lớn lên mà còn là bất cứ nơi nào ta sống, gắn bó và cảm thấy thân thuộc bởi “vùng trời quê hương nào cũng là bầu trời Tổ quốc”. Có lẽ thông điệp mà hai nhà thơ muốn gửi gắm đến chúng ta là phải sống gắn bó hết mình với nơi mình đang sống dù đó là quê hương gốc hay nơi đất khách, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của việc sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc hiện tại và sự trân trọng những trải nghiệm sống đã qua. Ý nghĩa hàm chứa trong ngôn ngữ rất kiệm lời của một bài thơ tứ tuyệt Đường luật và bài thơ hai-cư thật là sâu sắc có giá trị khơi tỏa, khai sáng nhận thức, tư tưởng và đánh thức biết bao xúc cảm cho người đọc.

2.2.2. Những điểm dị biệt giữa hai thi phẩm

Sự khác nhau giữa hai thi phẩm "Qua sông Tang Càn" của Giả Đảo và thơ hai-cư của Ba-sô được biểu hiện ở nhiều phương diện, ở bài viết này, chúng tôi chú trọng ở phương diện thể loại, cấu tứ, mạch cảm xúc, giọng điệu và ngôn ngữ.

a. Về thể loại

Thơ là hệ thống các quy tắc về hình thức được sử dụng trong sáng tác thơ ca, bao gồm cách tổ chức câu chữ, gieo vần, phối thanh và nhịp điệu. Mỗi thể thơ đều có những quy luật riêng về số chữ trong câu, số câu trong bài, cách gieo vần, và cách phối hợp thanh điệu giữa các câu. Chính nhờ những quy luật này mà thơ có được tính nhạc, nhịp điệu, và cấu trúc chặt chẽ tạo nên vẻ đẹp đặc trưng của ngôn ngữ thơ. Mỗi thể thơ có những đặc trưng riêng về thi pháp. Thể thơ có thể được xem là "dấu vân tay" văn hóa giúp phân biệt nền văn học của dân tộc này với dân tộc khác (ví dụ ở Việt Nam có thể thơ lục bát, ở Trung Quốc có thơ Đường, ở Nhật Bản có thơ hai-cư...)

Ở tác phẩm "Qua sông Tang Càn", Giả Đảo sử dụng thể thất ngôn tứ tuyệt Đường luật có niêm, luật, vần, đối chặt chẽ, tuân thủ cấu trúc: khai - thừa - chuyển - hợp.

Phiên âm:

"Khách xá Tinh Châu dĩ thập sương,

Quy tâm nhật dạ ức Hàm Dương.

Vô đoan cánh độ Tang Càn thủy,

Khước vọng Tinh Châu thị cổ hương"

Cấu trúc bốn câu với mỗi câu bảy chữ cho phép tác giả có không gian để dẫn dắt mạch cảm xúc một cách tuần tự: từ việc nêu hoàn cảnh và nỗi lòng nhớ quê (câu 1, 2), đến bước

ngoặt chuyển ý (câu 3), và cuối cùng là sự bộc lộ cảm xúc, triết lí ở câu kết (câu 4). Nhờ sự chặt chẽ của niêm luật và cấu trúc, bài thơ tạo nên sự cân đối, hài hòa trong hình thức và chiều sâu trong truyền tải nội dung.

Trong khi đó, Ba-sô sử dụng thể thơ hai-cư truyền thống của Nhật Bản chỉ có chỉ ba câu, mười bảy âm tiết (5-7-5), không chắm câu, không tiêu đề. Bài thơ khi phiên âm Latinh cũng được ngắt thành 3 dòng và đọc gần giống như âm tiếng Việt.

Aki to tose (a-ki tô tô-sê) 5 âm

Kaette Edo wo (ka-ê-t-tê ê-đô ô) 7 âm

Sasu kokyô (sa-su koo-ki-ô) 5 âm

Dịch nghĩa:

Đón mười mùa thu

trở về quê, thành phố Ê-đô

tức là quê hương.

(Dẫn theo *Thơ haikur - một tinh hoa của Nhật Bản*)

Nếu bài thơ tứ tuyệt Đường luật của Giả Đảo 28 chữ có đủ không gian để bộc lộ diễn biến tâm trạng thì với dung lượng cực ngắn 17 âm tiết thơ hai-cư của Ba-sô không có sự dẫn dắt cảm xúc từ từ mà tập trung vào một khoảnh khắc giác ngộ (ngoảnh lại nhìn Ê-đô trước khi về quê cũ). Điều đó đã tạo ra "khoảng trống" trong thi pháp chân không để người đọc tự chiêm nghiệm, liên tưởng đến những "Ê-đô" khác của mình trong nỗi nhớ niềm thương riêng.

b. Về mạch cảm xúc và giọng điệu

Mạch cảm xúc là sự vận động, biến đổi cảm xúc của nhân vật trữ tình xuyên suốt bài thơ, tạo nên sự kết nối, dẫn dắt người đọc đồng cảm sâu sắc với thông điệp nghệ thuật thông qua các cung bậc cảm xúc như vui, buồn, giận, nhớ, suy tư... Mạch cảm xúc và giọng điệu (thái độ, sắc thái tình cảm của tác giả) là hai yếu tố hòa hợp, hỗ trợ nhau, làm cho bài thơ có hồn, lay động lòng người. Tuy bài thơ "Qua sông Tang Càn" của Giả Đảo và thơ hai-cư của Ba-sô cùng khai thác đề tài tình quê của người xa xứ song sự vận động mạch cảm xúc khác nhau tạo nên giọng điệu khác nhau phản ánh rõ hoàn cảnh, tư tưởng và triết lí sống của mỗi thi nhân.

Ở bài thơ của Giả Đảo, mạch cảm xúc diễn ra theo hướng tâm lí phức tạp, có sự chuyển biến bất ngờ, kịch tính. Cảm xúc ban đầu là nỗi nhớ quê cũ Hàm Dương da diết, thường trực trong suốt mười năm xa xứ được bộc lộ một cách day dứt, khắc khoải "Quy tâm nhật dạ ức Hàm Dương" (Lòng muốn về quê, đêm ngày nhớ đất Hàm). Bước ngoặt tạo ra sự chuyển biến tâm lí mạnh mẽ của chủ thể trữ tình khi đến sông Tang Càn - một địa danh gợi sự chia cắt, chợt ngoảnh lại nhìn Tinh Châu lần cuối bỗng có phát hiện bất ngờ và đầy nghịch lí: "Tinh Châu thị cố hương" (Tinh Châu như là quê cũ). Kết thúc bài thơ là sự chuyển biến

mạnh mẽ, đột ngột, từ nhớ quê da diết sang ngỡ ngàng nhận ra tình cảm với nơi đất khách của chủ thể trữ tình.

Trái lại, mạch cảm xúc trong bài hai-cư của Ba-sô lại diễn ra một cách bình thản, tự nhiên và mang tính giác ngộ. Cảm xúc ban đầu của chủ thể trữ tình mang nhiều nỗi niềm của một người xa quê lâu ngày được cô đúc trong những từ ngữ giàu tính ẩn dụ và sức biểu cảm "đất khách mười mùa sương" tuy nhiên vẫn bình thản chấp nhận hoàn cảnh. Bước ngoặt tạo ra sự chuyển biến tâm lí đó là thời khắc trở về quê cũ, chủ thể trữ tình chợt nhận ra một sự thật: đất khách Ê-đô đã trở nên quen thuộc như chính quê hương mình. Bài thơ kết thúc có sự chuyển biến tâm lí nhẹ nhàng, nhuần nhị, tự nhiên của người thẩm nhàn Thiền tông, gọi lên triết lí về sự hoà nhập, tuý duyên của con người với hoàn cảnh sống, mọi nơi đều là quê hương nếu ta gắn bó đủ lâu về thời gian, đủ sâu về tình cảm.

Từ mạch cảm xúc trên chúng ta cũng nhận thấy trong bài thơ "Qua sông Tang Càn" chủ thể trữ tình bị động trước hoàn cảnh, luôn hướng về quê hương cũ ("Hàm Dương bụng nhớ quê") với tình cảm mãnh liệt, và cảm thấy bàng hoàng, thậm chí có chút xót xa khi nhận ra tình cảm của mình đã thay đổi. Ẩn chứa trong đó là một lát cắt hiện thực về cuộc sống tha hương, nỗi niềm tâm trạng của người lữ khách - kẻ sĩ thời phong kiến. Vì vậy, giọng điệu trữ tình, có sự day dứt và ngỡ ngàng rất phù hợp với việc miêu tả tâm trạng phức tạp của người lữ khách.

Khác với chủ thể trữ tình trong thơ Giả Đảo, thơ hai-cư của Ba-sô là sự chiêm nghiệm sau "mười mùa sương" sống ở đất khách. Hành động "ngoảnh lại" không phải là sự vô tình mà là sự nhìn nhận thấu đáo của một "lữ khách" an nhiên, tự tại đã đạt đến sự giác ngộ triết lí Thiền. Bởi vậy, giọng điệu bình thản, khách quan, mang tính chiêm nghiệm, phù hợp với việc truyền tải triết lí Thiền.

c. Về cấu tứ của hai bài thơ

Cấu tứ là cách thức triển khai tổ chức hình ảnh, mạch cảm xúc của bài thơ. Một số cách tổ chức cấu tứ thường gặp: tương đồng, tương phản, tăng cấp, chuyển hoá... hoặc thống nhất các mặt đối lập" (*Ngữ văn 11*, Sách Cánh diều, 2022) nhằm chuyển tải cảm xúc, thông điệp tư tưởng và tạo ra vẻ đẹp thẩm mỹ riêng biệt.

Cấu tứ của bài thơ Giả Đảo tuân thủ theo nguyên tắc của niêm luật thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. Bố cục: khai - thừa - chuyển - hợp. Khai (câu 1): giới thiệu hoàn cảnh "đất khách" (Tinh Châu) và thời gian (mười thu). Thừa (câu 2): tiếp tục mạch ý, bộc lộ nỗi niềm nhớ quê cũ Hàm Dương tha thiết. Chuyển (câu 3): tạo bước ngoặt, chuyển mạch cảm xúc bằng hành động "qua bến Tang Càn" và thái độ "vô tình nữa". Đây là điểm nhấn quan trọng nhất trong cấu tứ của bài thơ này. Hợp (câu 4): tổng kết, đưa ra phát hiện bất ngờ: "Tinh Châu đã thành quê". Cấu tứ dựa trên sự đối xứng và tương phản: ban đầu "Tinh Châu đất khách"

và tâm luôn nhớ về cố hương Hàm Dương, sau đó đảo ngược hoàn toàn ở câu kết "Tinh Châu ngoảnh lại đã thành cố hương".

Về cấu tứ của bài thơ hai-cư của Ba-sô, sự đối lập không nằm ở cấu trúc câu chữ đối xứng mà thường nằm ở sự liên kết giữa các hình ảnh, sự việc và sự tương phản: giữa đất khách Ê-đô với quê hương cũ, giữa quá khứ (mười mùa sương) với hiện tại (khoảnh khắc "ngoảnh lại"), giữa đất khách thành cố hương trong tâm tưởng... Cấu tứ thơ hai-cư nói chung và thơ của Ba-sô nói riêng luôn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên giá trị tư tưởng và thẩm mỹ đặc biệt nhất là câu kết của bài thơ thường phải làm sáng lên được những ý nghĩa mới một cách bất ngờ, thú vị. Cái kết "Ê-đô là cố hương" bất ngờ mở ra, vụt sáng một chân lý có sức phổ quát lớn trong nhận thức và tình cảm con người.

Như vậy, cấu tứ của bài thơ Giả Đảo tuân thủ theo nguyên tắc của niêm luật thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật: chặt chẽ, có bố cục rõ ràng, dẫn dắt mạch cảm xúc một cách logic nhưng có sự đột phá ở hai câu cuối. Cấu tứ của bài thơ Ba-sô tuân thủ nguyên tắc của hai-cư: ngắn gọn, cô đọng, lấy khoảnh khắc làm trọng tâm và giàu tính gợi mở đòi hỏi "người đọc phải mở mắt mà nhìn, lắng tai mà nghe, trải lòng mà nhận biết..."

d. Về ngôn ngữ

Với đặc trưng thể loại ngắn gọn, cô đúc nên ngôn ngữ trong bài thơ "Qua sông Tang Càn" của Giả Đảo và thơ hai-cư của Ba-sô đều hướng tới sự hàm súc, tinh tế song mỗi nhà thơ lại có cách biểu đạt khác nhau thể hiện rõ sự khác biệt giữa hai thể loại và hai phong cách thơ.

Ở bài thơ của Giả Đảo, ngôn ngữ có sự đối xứng, cân đối trong các câu thơ, tạo nên sự trang trọng, chuẩn mực của thể thơ Đường luật. Đặc biệt nhà thơ có sự phá cách sáng tạo tài tình bởi sự lặp lại tên địa danh "Tinh Châu". Sự lặp lại là điều rất tối kỵ trong thơ tứ tuyệt Đường luật nhưng với ngòi bút tài hoa của mình, nhà thơ lại tạo nên điểm nhấn về sự chuyển hoá tinh tế hai sắc thái cảm xúc tương phản giữa "Tinh Châu đất khách" với "Tinh Châu cố hương". Đây cũng là một minh chứng về dụng công trong việc lựa chọn từ ngữ của nhà thơ gắn liền với điển tích nổi tiếng "thôi, xao" trong văn học Trung Quốc.

Đối với bài thơ hai-cư của Ba-sô, ngôn ngữ hướng tới sự giản dị, gần gũi với đời sống. Người đọc thấy dường như nhà thơ không cố công gắng sức trong việc tạo câu chữ hay chú trọng về kỹ thuật thơ. Các từ ngữ, chi tiết thơ thường giản dị, gợi nhiều hơn là tả nhưng lại mở ra nhiều tầng nghĩa triết lý. Chính sự tối giản của thơ hai-cư nên ngôn ngữ kiệm lời, chất lọc đến tối đa nhưng lại tạo nên sức gợi cảm mãnh liệt, để lại dư địa cho người đọc tự chiêm nghiệm bằng cảm xúc và trải nghiệm của chính mình.

3. Kết luận

Tình cảm quê hương thiêng liêng, cao đẹp là mạch nguồn giá trị nhân văn làm nên sức sống lâu bền cho bài thơ "Qua sông Tang Càn" của Giả Đảo và bài thơ hai-cư của Ba-

sô. Tuy nhiên, sức hấp dẫn không chỉ dừng ở sự đồng điệu của hai tâm hồn thi nhân mà còn được nhân lên bởi vẻ đẹp độc đáo ở mỗi thi phẩm. Điều này cũng dễ hiểu, các nhà thơ ngoài sự khác biệt về văn hoá của mỗi dân tộc, về hoàn cảnh sống, về phong cách nghệ thuật, tài năng văn chương... còn phải tuân thủ quy luật “nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo” đặc biệt là đối với những tác phẩm xuất sắc “mỗi tác phẩm mở ra một thế giới mới lạ, không lặp lại, góp phần phản ánh thể hiện cái muôn màu muôn vẻ của đời sống và của tâm hồn con người” (Lê Đình Kỳ). Nhờ vậy mà có thể khẳng định sự tiếp cận, khám phá thế giới nghệ thuật chứa đựng triết lý nhân sinh sâu sắc từ hai thi phẩm nhỏ xinh, tinh tế của hai “mảnh đất thơ quen mà lạ” không chỉ dừng lại trong quá khứ mà vẫn tiếp diễn, mời gọi bạn đọc ở hiện tại và tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nhật Chiêu dịch (1994), *Bashô và thơ haiku*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Bích Hải (2004), *Những nét tương đồng và dị biệt của ba thể thơ tuyệt cú, haiku và lục bát*, Tạp Chí Hán Nôm số 5.
- Phan Trọng Luận, Tổng Chủ biên (2016), *Ngữ văn 10 tập 1*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr 156-157.
- Lê Nguyên Lưu (1997), *Đường thi tuyển dịch*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.
- Nguyễn Khắc Phi, Trần Đình Sử (1997), *Về thi pháp thơ Đường*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
- Lê Huy Tiêu (1993), *Từ điển thành ngữ điển cố Trung Quốc*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nam Trân tuyển chọn (1987). *Thơ Đường tập 1*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, tr 210.
- Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống (đồng Tổng chủ biên) (2022), *Ngữ văn 11*(Sách Cánh diều), Nhà xuất bản Đại học Huế, tr 36.
- <https://songquynhsongquynh.violet.vn/> *Thơ haiku - một tinh hoa của Nhật Bản*.
- <https://giaoducthoidai.vn/chu-bien-chuong-trinh-ngu-van-2018-chia-se-ve-dang-de-so-sanh-2-tac-pham-van-hoc>.